

Số: **48** /2022/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **09** tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực
chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan
Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

Căn cứ Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng về hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 100/TTr-STTTT ngày 16 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2022 và thay thế Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số trong các cơ quan Nhà nước tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.. m/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục kiểm soát TTHC - Bộ Tư pháp;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Cơ yếu Chính phủ - Bộ Quốc phòng;
- Vụ pháp chế - Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Các phòng, đơn vị thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, TH.

13

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Văn Mười

QUY CHẾ

**Quy chế quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng
Chính phủ trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**
(Kèm theo Quyết định số **48** /2022/QĐ-UBND ngày **09** /12/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng Chính phủ do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc cơ quan Nhà nước có liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng, bao gồm:

- a) Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp.
- b) Các Sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh.
- c) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.
- d) Các cơ quan, tổ chức Nhà nước trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có nhu cầu sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp có thể nghiên cứu áp dụng Quy chế này tại đơn vị mình.
- đ) Các cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị được quy định tại điểm a, b, c, d của khoản 2, Điều 1.

Điều 2. Giá trị pháp lý của chữ ký số

Giá trị pháp lý của chữ ký số được quy định tại Điều 8 của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.



Điều 3. Danh mục văn bản áp dụng chữ ký số

1. Tất cả các loại văn bản điện tử phải sử dụng chuẩn .PDF (Portable Document Format) (quy định định dạng .pdf theo danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước).

2. Chữ ký số được sử dụng rộng rãi cho tất cả các loại văn bản điện tử trong các cơ quan Nhà nước tỉnh Đắk Nông theo Phụ lục kèm theo Quy chế này; không áp dụng đối với các văn bản mật, tuyệt mật, tối mật và các văn bản khác theo quy định của pháp luật. Những trường hợp pháp luật quy định phải gửi bản giấy thì ngoài văn bản điện tử phải gửi kèm văn bản giấy theo quy định.

Điều 4. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ là Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ được quy định tại Điều 4 của Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng chính phủ.

Chương II

NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CHỮ KÝ SỐ, CHỨNG THƯ SỐ

Điều 5. Thẩm quyền quản lý thuê bao trong các cơ quan, tổ chức Nhà nước trong tỉnh

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện trách nhiệm của người quản lý thuê bao chữ ký số, chứng thư số được Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cấp cho các cá nhân, cơ quan, tổ chức Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 6. Cơ quan quản lý trực tiếp chữ ký số, chứng thư số trong tỉnh

Cơ quan quản lý trực tiếp là các cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng thuộc các cơ quan, tổ chức Nhà nước trong tỉnh trực tiếp quản lý các thuê bao sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

1. Các Sở, ban, ngành là cơ quan quản lý trực tiếp các thuê bao trực thuộc cơ quan, đơn vị và các thuê bao do cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị mình sử dụng.

2. UBND các huyện, thành phố là cơ quan quản lý trực tiếp các cơ quan, tổ chức Nhà nước trực thuộc các huyện, thành phố. Bao gồm thuê bao của tổ

chức là các cơ quan, tổ chức Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân cấp huyện và thuê bao do cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức này sử dụng.

3. Các cơ quan, tổ chức có cơ quan, đơn vị trực thuộc là cơ quan quản lý trực tiếp các cơ quan, đơn vị trực thuộc đó. Bao gồm các thuê bao là tổ chức và cá nhân của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Điều 7. Nguyên tắc quản lý chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng Chính phủ trong tỉnh

1. Nguyên tắc quản lý, sử dụng phải bảo đảm theo đúng quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8 và 9 của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP.

2. Thiết bị lưu khóa bí mật của cá nhân, cơ quan, tổ chức phải được bàn giao cho đúng đối tượng quản lý, sử dụng.

3. Việc quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số phải bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

Điều 8. Nguyên tắc sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong tỉnh

1. Sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng Chính phủ cung cấp trong các loại hình giao dịch điện tử của các cơ quan Nhà nước trong tỉnh theo quy định tại Điều 57 của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP.

2. Sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng Chính phủ cung cấp trong giao dịch điện tử tại các hệ thống thông tin của các cơ quan Thuế, Bảo hiểm Xã hội, Kho bạc Nhà nước và các giao dịch điện tử khác phải thực hiện theo Luật Giao dịch điện tử và các hướng dẫn, quy định sử dụng chữ ký số, chứng thư số trong giao dịch điện tử của các hệ thống thông tin đó.

3. Triển khai sử dụng chữ ký số phải phù hợp với thực tiễn, không làm ngưng trệ công tác văn thư lưu trữ, hành chính khi áp dụng chữ ký số trên địa bàn tỉnh.

Chương III

QUẢN LÝ, CẤP PHÁT, SỬ DỤNG CHỮ KÝ SỐ CHUYÊN DÙNG CHÍNH PHỦ

Điều 9. Đăng ký và nhận thiết bị lưu khóa bí mật

1. Cơ quan quản lý trực tiếp gửi đề nghị cho Cục Chứng thực số và Bảo mật thông qua hình thức Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý yêu cầu chứng thực của Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin tại <https://ca.gov.vn> (dịch vụ công), gửi văn bản giấy hoặc văn bản điện tử có ký số lên trực liên thông văn

bản quốc gia trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh có giá trị pháp lý tương đương văn bản giấy và thay cho việc gửi, nhận văn bản giấy.

2. Các trường hợp khác thì cơ quan quản lý trực tiếp phải cung cấp bản chính của văn bản giấy tại thời điểm tiếp nhận thiết bị lưu khóa bí mật (USB Token, SIM PKI) từ Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin.

3. Gửi, nhận thiết bị lưu khóa bí mật (gồm: chứng thư số, chữ ký số,...) giữa thuê bao, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp, Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin được thực hiện bằng phương thức trực tiếp, thông qua tổ chức cơ yếu hoặc thông qua đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của pháp luật được quy định tại Điều 6 của Thông tư số 185/2019/TT-BQP.

Điều 10. Quản lý và sử dụng thiết bị lưu khóa bí mật

1. Quản lý thiết bị lưu khóa bí mật thực hiện theo quy định tại Điều 74 của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP và Điều 5 của Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT.

2. Quản lý thiết bị lưu khóa bí mật và chứng thư số của cơ quan, tổ chức trong công tác văn thư được quy định tại Điều 32 của Nghị định 30/2020/NĐ-CP.

Điều 11. Đăng ký cấp mới, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư số, thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật, khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật

1. Điều kiện cấp mới chứng thư số cho cá nhân, cơ quan, tổ chức Nhà nước trong tỉnh phải phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều 60 của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện việc Đăng ký cấp mới, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư số, thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật, khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật được thực hiện theo các quy định tại Hướng dẫn hồ sơ, mẫu biểu cung cấp, quản lý dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ của Thông tư số 185/2019/TT-BQP, cụ thể:

a) Cấp mới chứng thư số cho cá nhân; cho cơ quan, tổ chức và cho thiết bị, dịch vụ, phần mềm tại Điều 8 của Thông tư số 185/2019/TT-BQP. (Mẫu số 1, 2, 3, 4, 5 và 6 đính kèm trong Phụ lục của Thông tư số 185/2019/TT-BQP);

b) Gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư số tại Điều 9 của Thông tư số 185/2019/TT-BQP (Mẫu số 7 và 8 đính kèm trong Phụ lục của Thông tư số 185/2019/TT-BQP);

c) Thu hồi chứng thư số, thu hồi thiết bị lưu khóa bí mật tại Điều 10 của Thông tư số 185/2019/TT-BQP (Mẫu số 9 và 10 đính kèm trong Phụ lục của

Thông tư số 185/2019/TT-BQP); Trong trường hợp thiết bị lưu khóa bí mật bị thất lạc, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp phải lập biên bản xác nhận (theo Mẫu 15 đính kèm trong Phụ lục của Thông tư số 185/2019/TT-BQP) và gửi kèm theo văn bản đề nghị thu hồi;

d) Khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật tại Điều 11 của Thông tư số 185/2019/TT-BQP (Mẫu số 11 và 12 đính kèm trong Phụ lục của Thông tư số 185/2019/TT-BQP).

Điều 12. Xác thực chữ ký số

Khi nhận được văn bản điện tử có ký số, người nhận phải kiểm tra các thông tin chứng thư số đáp ứng theo Điều 79 của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP. Đáp ứng cơ bản những nội dung sau:

1. Kiểm tra trạng thái chứng thư số tại thời điểm thực hiện ký số, phạm vi sử dụng, giới hạn trách nhiệm và các thông tin trên chứng thư số đó theo quy định tại Điều 5 của Nghị định 130/2018/NĐ-CP trên hệ thống kỹ thuật của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số đã cấp chứng thư số đó.

2. Chữ ký số trên thông điệp dữ liệu chỉ có hiệu lực khi kết quả kiểm tra tại các khoản 1 và 2 Điều 79 của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP đồng thời có hiệu lực.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chuyên trách giúp UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 12 của Thông tư số 185/2019/TT-BQP.

2. Xây dựng, cung cấp các biểu mẫu báo cáo quý, sáu tháng, năm hoặc đột xuất để các cơ quan, tổ chức trong tỉnh báo cáo theo quy định.

3. Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số, phần mềm ký số cho các thuê bao. Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, quy định của Nhà nước về ứng dụng chữ ký số đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

4. Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số, thiết bị lưu khóa bí mật và việc thực hiện các quy định trong Quy chế này của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi thẩm quyền quản lý.



5. Hằng năm xây dựng kế hoạch, dự trù kinh phí đào tạo, tập huấn ứng dụng chữ ký số trong các cơ quan Nhà nước đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

6. Thống kê, theo dõi việc sử dụng chứng thư số của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; định kỳ sáu tháng, hằng năm báo cáo UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Cơ yếu Chính phủ.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan quản lý trực tiếp thuê bao

1. Có trách nhiệm phân công và cử nhân sự quản lý tiếp nhận, tổng hợp các thủ tục được quy định tại Điều 6, Điều 9, Điều 11 của Quy chế này theo nhiệm vụ thẩm quyền của cơ quan quản lý trực tiếp thuê bao. Thực hiện tiếp nhận chuyển giao việc cài đặt phần mềm ký số và hướng dẫn kỹ thuật, đào tạo ký số tại các cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Căn cứ nhu cầu sử dụng chữ ký số, chứng thư số chuyên dùng Chính phủ của các thuê bao là cá nhân, cơ quan, tổ chức Nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của mình, thực hiện trách nhiệm xem xét, xác nhận văn bản và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đề nghị cấp, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư số, khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật cho tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý được quy định tại Điều 15 của Thông tư số 185/2019/TT-BQP.

3. Trực tiếp gửi thông tin đề nghị cấp, gia hạn, thay đổi nội dung thông tin, thu hồi chứng thư số, khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật cho tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý đến Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ theo các thông tin được cung cấp tại Điều 4 của Quy chế này.

4. Tổ chức triển khai sử dụng có hiệu quả chữ ký số, chứng thư số của các cá nhân, cơ quan, tổ chức trong các lĩnh vực giao dịch điện tử trong tỉnh thuộc thẩm quyền theo quy định.

5. Thường xuyên kiểm tra việc quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số của cơ quan, đơn vị mình quản lý, đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của Quy chế này và các quy định khác có liên quan.

6. Định kỳ sáu tháng, hằng năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả sử dụng chữ ký số, chứng thư số của cơ quan, đơn vị mình về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Ban Cơ yếu Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

a) Đối với báo cáo sáu tháng gửi về trước ngày 15 tháng 6 hằng năm.

b) Đối với báo cáo năm phải gửi về trước ngày 10 tháng 12 hằng năm.

Điều 15. Trách nhiệm của thuê bao

1. Cung cấp chính xác, đầy đủ thông tin để thực hiện các thủ tục tại Điều 11 của Quy chế này và các quy định về trách nhiệm của thuê bao tại Điều 17 của Thông tư số 185/2019/TT-BQP.

2. Đối với thuê bao là cơ quan, tổ chức Nhà nước, phải có văn bản bàn giao thiết bị lưu khóa bí mật cho cá nhân được phân công làm nhiệm vụ văn thư, quản lý mộc dấu, cá nhân khác có trách nhiệm sử dụng theo quy định; đảm bảo an toàn việc sử dụng thiết bị lưu khóa bí mật của cơ quan, tổ chức.

3. Đối với thuê bao là cá nhân có trách nhiệm quản lý thiết bị lưu khóa bí mật của mình và trách nhiệm người quản lý thiết bị lưu khóa bí mật của cơ quan, tổ chức tuyệt đối không đưa, cung cấp thiết bị cho người không có thẩm quyền sử dụng.

4. Lưu trữ quản lý thiết bị chữ ký số và sử dụng khóa bí mật phải bảo đảm an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư số của mình có hiệu lực và bị tạm dừng. Trong trường hợp thất lạc thiết bị, hoặc nghi ngờ lộ khóa bí mật phải báo ngay cho cơ quan quản lý trực tiếp để thực hiện các thủ tục thu hồi.

5. Không được dùng các công cụ, chương trình phần mềm hay bất cứ hình thức nào làm thay đổi dữ liệu khi chưa có sự đồng ý của tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số chuyên dùng Chính phủ hoặc làm hư hỏng thiết bị lưu khóa bí mật.

6. Tham gia các khóa đào tạo, tập huấn liên quan đến việc quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số trong các cơ quan quản lý Nhà nước và Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

Điều 16. Trách nhiệm của người được giao sử dụng mẫu dấu, công tác văn thư và cá nhân khác được sử dụng chữ ký số, chứng thư số của cơ quan, tổ chức

1. Thực hiện đúng quy định tại Điều 7 của Nghị định số 130/2018/NĐ-CP và Điều 12 của Quy chế này.

2. Bảo quản an toàn, sử dụng chứng thư số của cơ quan, tổ chức tại trụ sở cơ quan, tổ chức.

3. Chỉ bàn giao chứng thư số của cơ quan, tổ chức cho người khác khi được phép bằng văn bản của người có thẩm quyền. Việc bàn giao chứng thư số của cơ quan, tổ chức phải được lập biên bản.

4. Phải trực tiếp ký số vào văn bản do cơ quan, tổ chức ban hành và bản sao văn bản.

5. Chỉ được ký số của cơ quan, tổ chức vào văn bản đã có chữ ký của người có thẩm quyền và bản sao văn bản do cơ quan, tổ chức trực tiếp thực hiện.

6. Sử dụng chứng thư số của cơ quan, tổ chức để ký số các văn bản điện tử do cơ quan, tổ chức ban hành và bản sao từ văn bản giấy sang văn bản điện tử.

7. Chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý và sử dụng thiết bị lưu khóa bí mật của cơ quan, tổ chức khi được phân công, đảm bảo đúng các quy định trong Quy chế này và các quy định khác có liên quan. Khi thay đổi người quản lý thiết bị lưu khóa bí mật phải lập biên bản bàn giao được lập theo Mẫu số 14 của Thông tư số 185/2019/TT-BQP.

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị triển khai các hệ thống thông tin có sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trên địa bàn tỉnh

Các cơ quan, đơn vị chủ quản các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật đối với việc sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cho các cơ quan, đơn vị có nhu cầu giao dịch điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của ngành mình.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, thống kê, kiểm tra tình hình sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong triển khai các hệ thống thông tin của ngành mình, bảo đảm kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Ban Cơ yếu Chính phủ theo quy định.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc và cần sửa đổi, bổ sung Quy chế này, các cơ quan, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét quyết định./.

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC LOẠI VĂN BẢN BẮT BUỘC ÁP DỤNG
CHỮ KÝ SỐ VÀ KHÔNG GỬI VĂN BẢN GIẤY
(Kèm theo Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

STT	Loại văn bản
1	Nghị quyết
2	Quyết định
3	Chỉ thị
4	Quy chế
5	Quy định
6	Thông báo
7	Thông cáo
8	Hướng dẫn
9	Kế hoạch
10	Chương trình
11	Phương án
12	Đề án
13	Dự án
14	Báo cáo
15	Tờ trình
16	Công văn
17	Công điện
18	Giấy ủy quyền
19	Giấy mời (Bao gồm Giấy mời và tài liệu họp, hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn...)
20	Phiếu gửi

21	Phiếu báo
22	Phiếu chuyển
23	Thư công
24	Lịch làm việc
25	Văn bản đề biết, đề báo cáo
26	Văn bản đề nghị góp ý kèm theo dự thảo

